TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Trịnh Trung Tuyến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh ngày: 24/03/1994; số định danh cá nhân: 038194001023; Địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Tuấn A**, sinh ngày: 15/02/1992; Số định danh cá nhân: 038092048573; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã X, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Hàn Quốc. Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Ngô Tuấn A qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thọ Xuân (nay là xã

Xuân Hòa), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau khi chị T sinh con thì anh Tuấn A không quan tâm đến gia đình khiến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 07/2021 anh Tuấn A đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay anh Tuấn A không về Việt Nam để thăm vợ con, cũng không thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Từ đầu năm 2025, anh chị đã nói chuyện và thống nhất về việc ly hôn, nhưng anh Tuấn A không về nước để giải quyết, cũng không cung cấp địa chỉ cho chị và gia đình được biết, nên chị không cung cấp được cho Tòa án. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng N, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 29/10/2020. Từ khi anh Tuấn A đi xuất khẩu lao động thì các con chung đang ở với chị. Quan điểm của chị T là sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T trình bày là hiện nay chị đang làm việc tại Công ty TNHH N2 - Sông Â, thu nhập bình quân là 24.000.000đ/tháng, có điều kiện về kinh tế và có nơi sinh sống ổn định, nên chị đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa, nhưng bị đơn đều không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại Công văn số 3070/XNC-Đ1 ngày 10/11/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin, tài liệu xác định: Anh Ngô Tuấn A, sinh ngày 15/02/1992 đã sử dụng hộ chiếu xuất cảnh ngày 21/07/2021 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu số C8276340 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 10/12/2025, bố mẹ đẻ của anh Ngô Tuấn A là ông Ngô Đình N1 và bà Lưu Thị L cho biết:

Anh Ngô Tuấn A đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ khoảng tháng 07/2021 cho đến nay không về nước thăm gia đình. Gia đình không biết hiện nay anh Tuấn A đang làm việc tại công ty nào và cư trú tại địa chỉ nào tại Hàn Quốc. Trong thời gian vừa qua, anh Tuấn A thi thoảng có liên hệ về hỏi thăm gia đình qua ứng dụng zalo, messenger. Gia đình đã thông tin cho anh Tuấn A biết về việc chị Nguyễn Thị Bích T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay anh Tuấn A đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên không thể về nước để giải quyết được, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 10/12/2025, đại diện UBND xã X cho biết:

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Ngô Tuấn A có quan hệ là vợ chồng. Anh Tuấn A1 có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã X, tỉnh Thanh Hóa; Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là xã X) vào ngày 17/5/2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2019. Qúa trình chung sống vợ chồng chị T và anh Tuấn A1 có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng N, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 29/10/2020. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở. Hiện nay anh Ngô Tuấn A không có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 156, Điều 165, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Ngô Tuấn A.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng N, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 29/10/2020. Giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Tuấn A1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tuấn A1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Thực hiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Ngô Tuấn A, nơi ĐKHKTT tại: thôn H, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Tại Công văn số 3070/XNC-Đ1 ngày 10/11/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin, tài liệu xác định: Anh Ngô Tuấn A, sinh ngày 15/02/1992 đã sử dụng hộ chiếu xuất cảnh ngày 21/07/2021 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu số C8276340 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Như vậy có cơ sở xác định: Anh Ngô Tuấn A có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã X, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang cư trú ở nước ngoài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

[1.2] Về việc tống đạt các văn bản cho bị đơn: Chị T xác định anh Tuấn A hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Chị T chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của anh Tuấn A ở Việt Nam là nơi ở của bố mẹ đẻ anh Tuấn A (là ông Ngô Đình N1 và bà Lưu Thị L) tại thôn H, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án đã làm việc và yêu cầu gia đình anh Tuấn A cung cấp địa chỉ của anh Tuấn A tại Hàn Quốc nhưng gia đình không cung cấp được. Ông N1 và bà L cho biết anh Tuấn A vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, thì gia đình đều đã thông báo cho anh Tuấn A biết. Do đó Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn, theo hướng dẫn tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Ngô Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Ngô Tuấn A tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/5/2019, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn A là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình. Đến ngày 21/07/2021 thì anh Tuấn A xuất cảnh đi xuất khẩu lao động tại Hàn quốc, từ đó đến nay không về nước. Theo quy định của Luật hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ và thực hiện các công việc trong gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng hiện nay anh Tuấn A đang sinh sống ở nước ngoài, giữa vợ chồng đã không còn có sự quan tâm, chia sẽ và có trách nhiệm với nhau. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Ngô Tuấn A.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Ngô Tuấn A có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng N, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Ngô Quỳnh C, sinh

ngày 29/10/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có ý kiến đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Hoàng N và cháu Quỳnh C. Xét hiện nay các con chung đang ở ổn định với chị T; anh Tuấn A thì đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể nên không có khả năng chăm sóc con trực tiếp. Do đó để đảm bảo các điều kiện tốt nhất về mọi mặt, cần thiết giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con tốt, nên chị không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Ngô Tuấn A không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Ngô Tuấn A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Ngô Tuấn A có 02 (hai) con chung là cháu Ngô Hoàng N, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Ngô Quỳnh C, sinh ngày 29/10/2020.

Giao cả hai con chung là cháu Ngô Hoàng N và cháu Ngô Quỳnh C cho chị Nguyễn Thị Bích T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001166 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến